

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 02-7-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cấn Thị H, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 4 năm 2020 và bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn chị Cấn Thị H trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ 2015, được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 19 tháng

02 năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào năm 2019 do bất đồng lối sống, quan điểm sống. Anh T tự thường xuyên đánh bạc, rượu chè. Mặt khác, vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè nên thường xảy ra cãi nhau, tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân do chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 là Đỗ Hoàng H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016, hiện đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị để cháu H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì anh có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định hơn chị. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị nhận tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng, anh T đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh T trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống phù hợp với lời trình bày của chị H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Chị H là người không trung thực với anh trong vấn đề kinh tế, nghi ngờ anh không chung T và hay có lời lẽ thiếu tôn trọng anh khi anh đi làm về có uống bia, rượu dẫn đến tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2019, đến nay giữa anh chị không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, anh đề nghị chị H tự giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đỗ Hoàng H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi vì anh có điều kiện về thời gian, công việc, thu nhập ổn định và cao hơn chị H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi, con anh đồng ý việc chị H nhận cấp dưỡng nuôi con với anh mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H: Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại gia đình anh T, thôn K1 và Ủy ban nhân dân xã T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề khác có liên quan giữa chị H và anh T; sau

khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung chị cũng muốn nuôi con nhưng do đang còn nợ tiền chữa bệnh của bản thân và chưa có chỗ ở, thu nhập chưa ổn định. Anh T đang có công việc, thu nhập ổn định khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng. Nên khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh với số tiền 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, anh T đồng ý. Tùy theo thu nhập, thời gian chị có thể đóng góp thêm. Về tài sản chung và công nợ chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn với anh T, nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Anh Đỗ Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau do tự nguyện tìm hiểu năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2016. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Chị H nghi ngờ anh T không chung thủy với chị. Vợ chồng không tin tưởng nhau trong vấn đề kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai người sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Cấn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

3. Về con chung: Anh chị có 01 con là Đỗ Hoàng H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016. Anh T có nguyện vọng nhận nuôi cháu H1, chị H đồng ý để anh T nuôi cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận việc chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

4. Về tài sản chung, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và phải chịu án phí đối với số tiền cấp dưỡng Hng tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Theo lời trình bày và yêu cầu của chị H. Tòa án đã xác minh và tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho ông Đoàn Quang H2 là trưởng thôn K1 nhận thay để giao lại cho anh T. Anh T đã biết, cung cấp lời khai về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và các vấn đề có liên quan khác giữa anh và chị H nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai của đương sự, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đoàn Quang H2 nhận thay để giao lại cho anh T. Anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K ngày 19 tháng 02 năm 2016. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019 do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Vợ chồng không tin tưởng nhau trong vấn đề kinh tế, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè. Chị H hay có những lời lẽ thiếu tôn trọng anh T mỗi khi anh đi uống bia, rượu về. Vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi cọ, xúc phạm nhau.

Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả. Nay chị H xin ly hôn, qua xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn K1, Ủy ban nhân dân xã T và gia đình chị H, anh T đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019. Do đó, chị H xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Đỗ Hoàng H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có chỗ ở ổn định, đang làm trong lĩnh vực xây dựng và lắp đặt điều hòa, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng trở lên, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu H1. Mặt khác, anh T cũng có nguyện vọng nhận nuôi cháu H1. Xét việc nhận nuôi con của anh T phù hợp với đề nghị của chính quyền địa phương xã T, chị H và đại diện gia đình hai bên. Do đó, cần giao cháu H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng Hng tháng theo luật định.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cán Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 cho anh T mỗi tháng với số tiền 1.000.000<sup>d</sup> (một triệu đồng), tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Cấn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T mà chị H chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Cấn Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0008876 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với số tiền cấp dưỡng hàng tháng.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THA DS huyện K, HP;
- Dương sự;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**